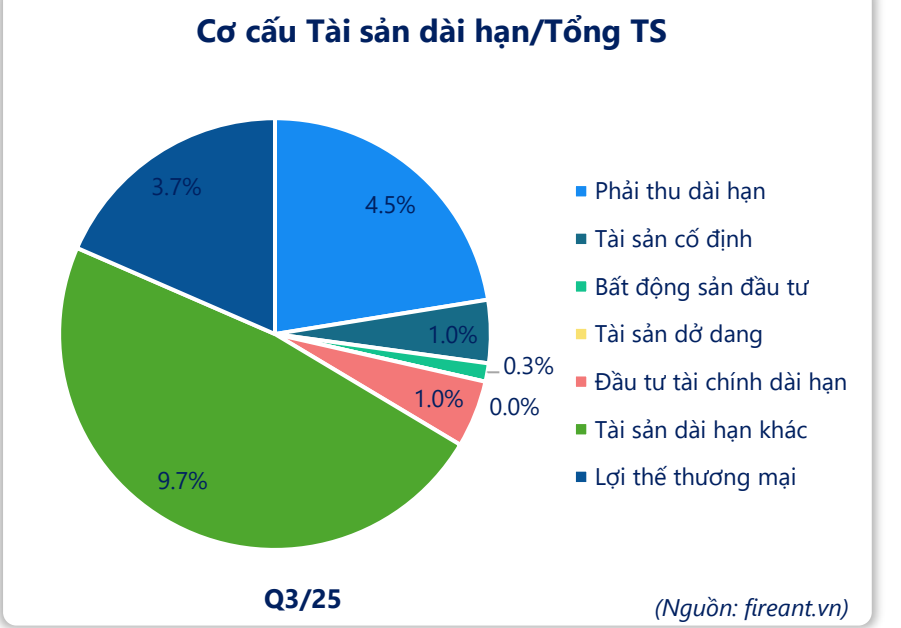
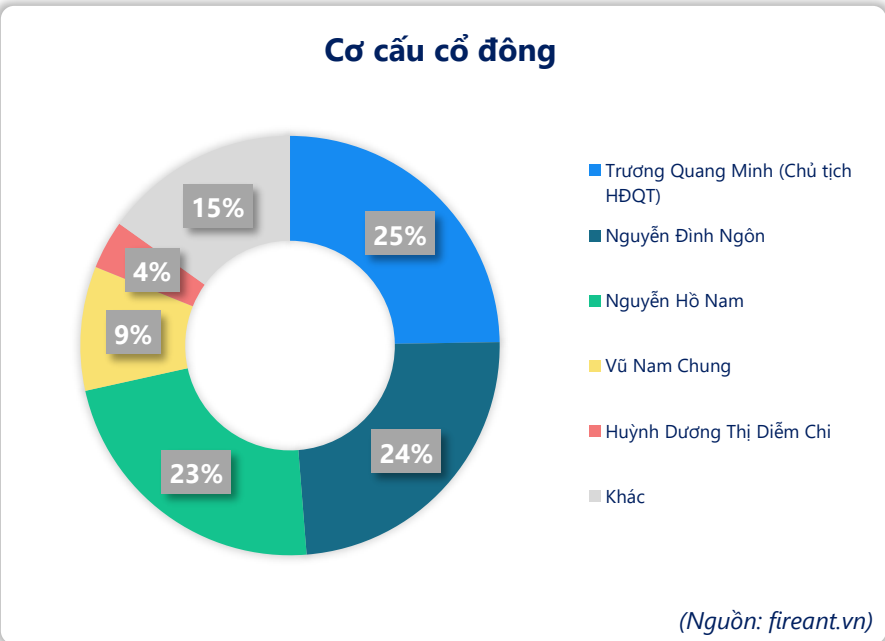
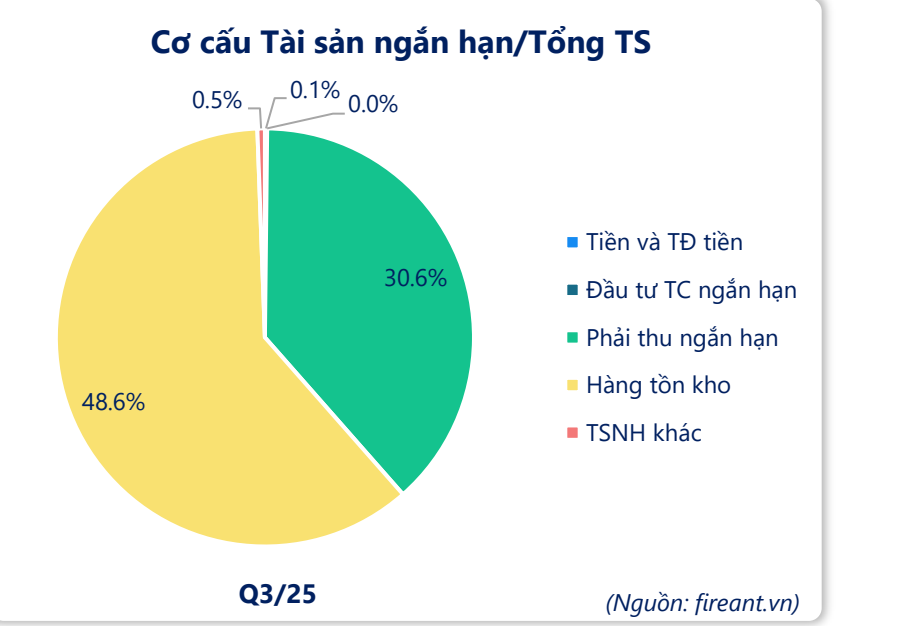
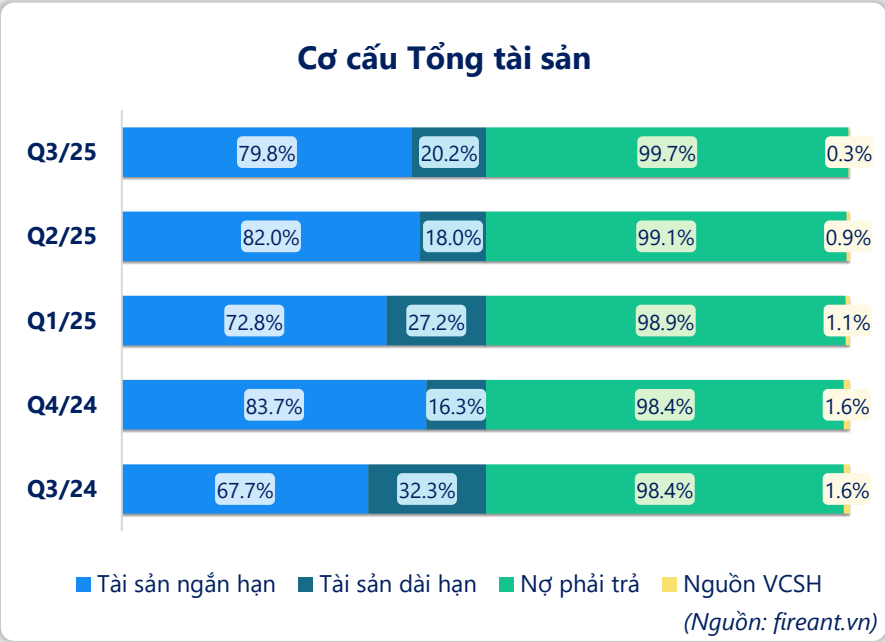
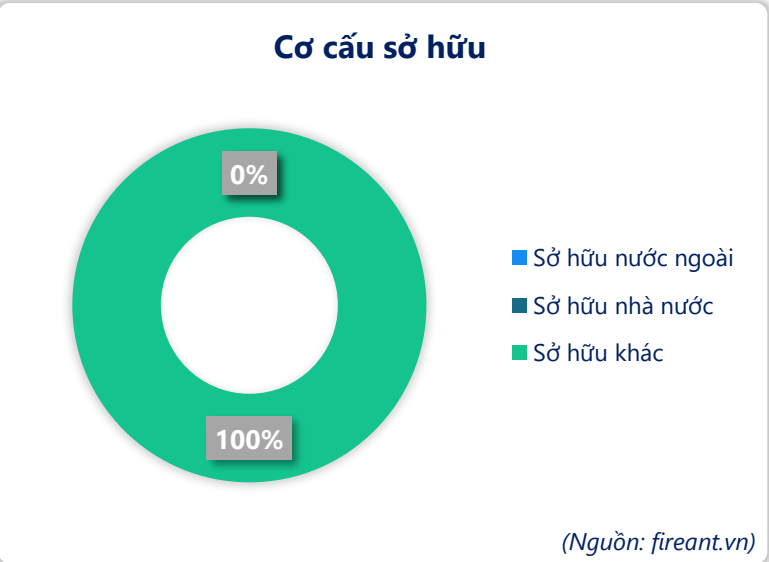
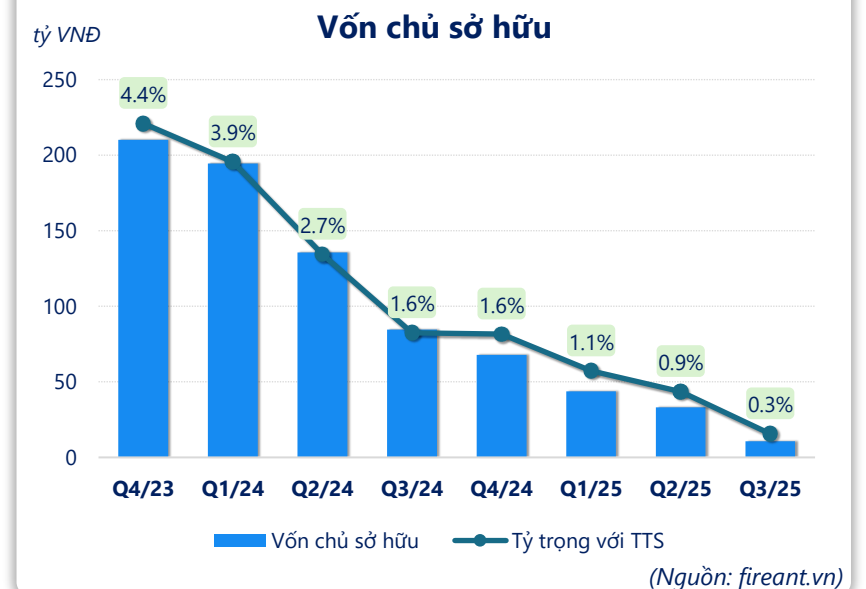
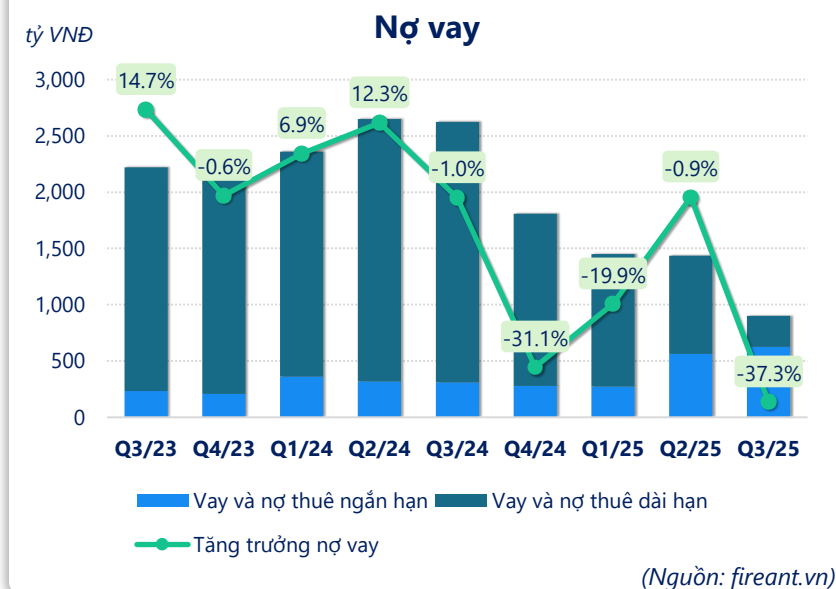
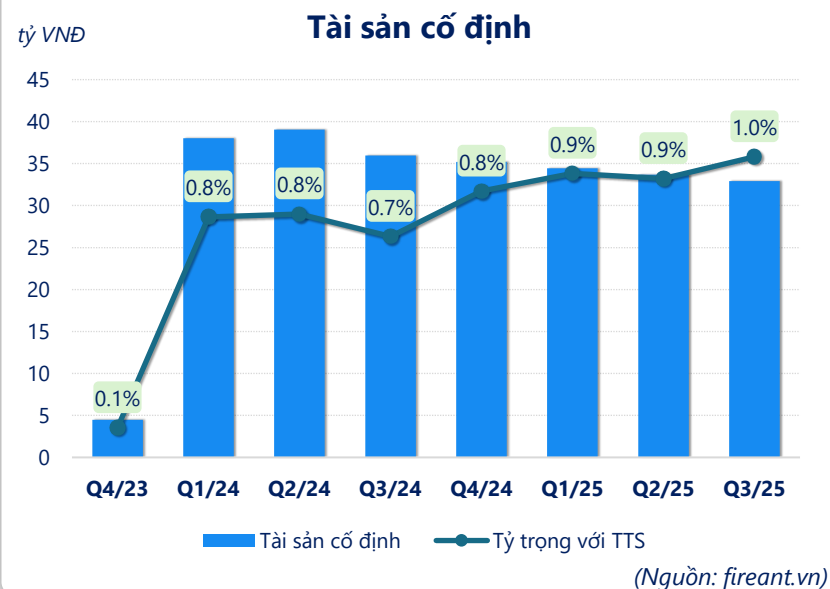
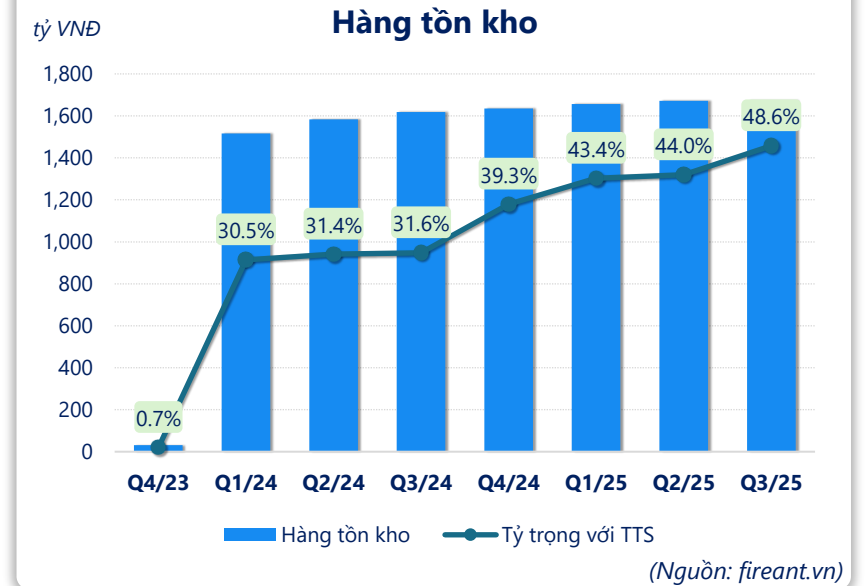
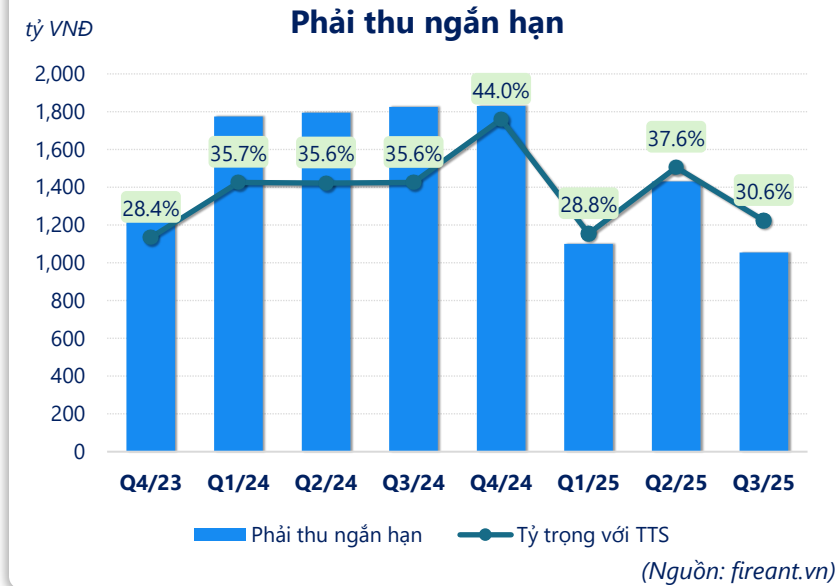
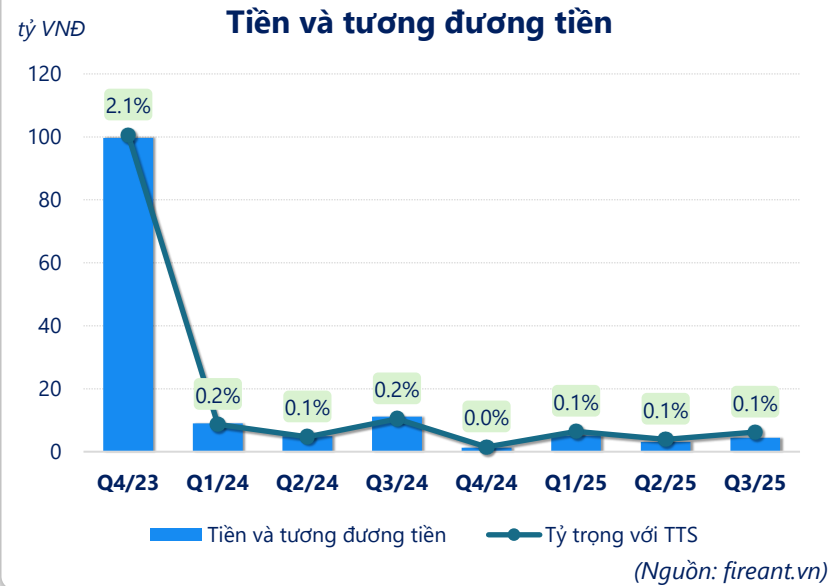
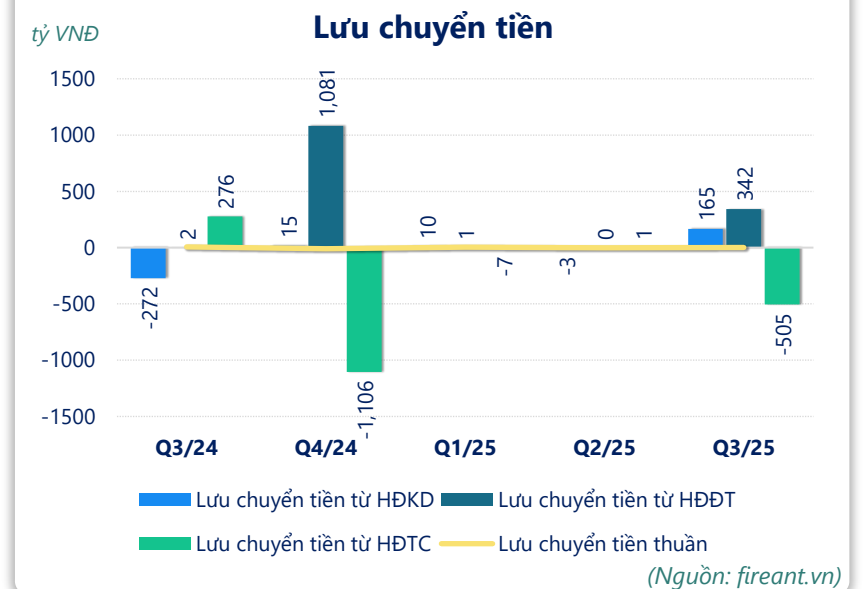
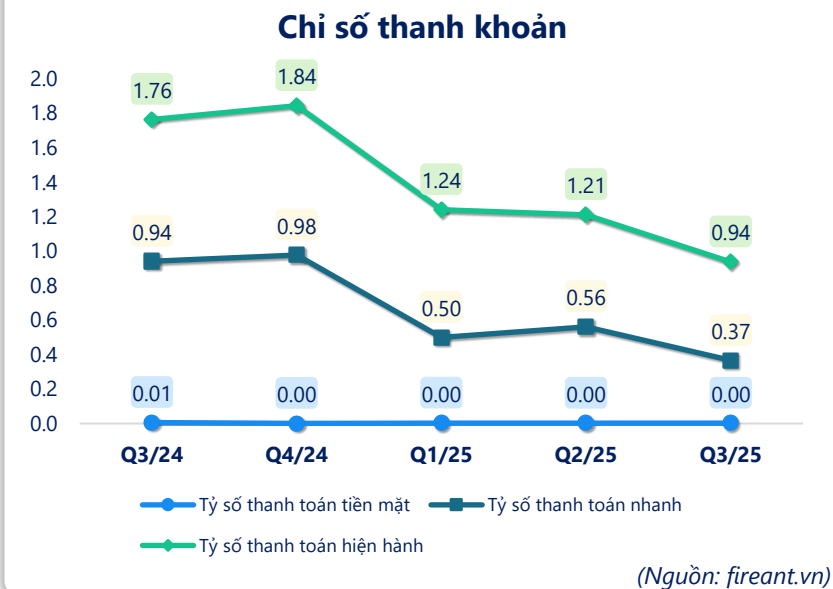
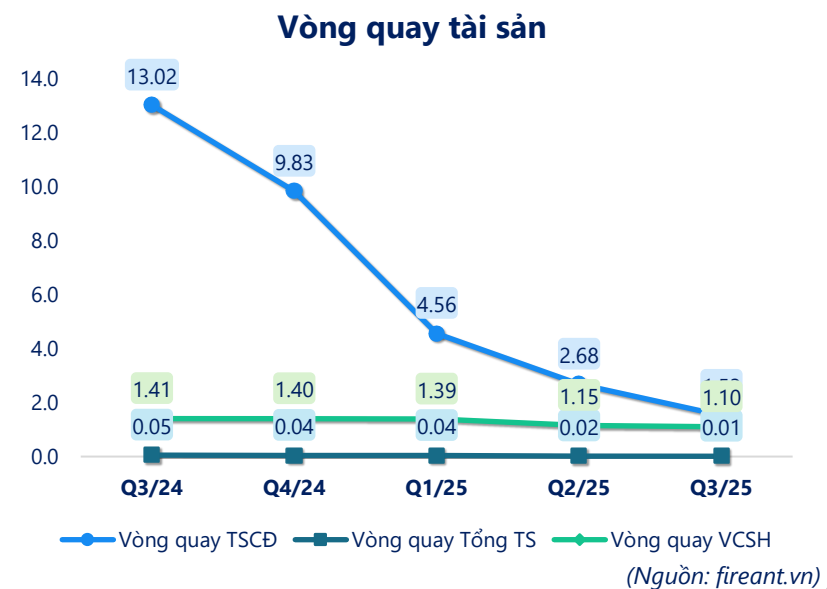
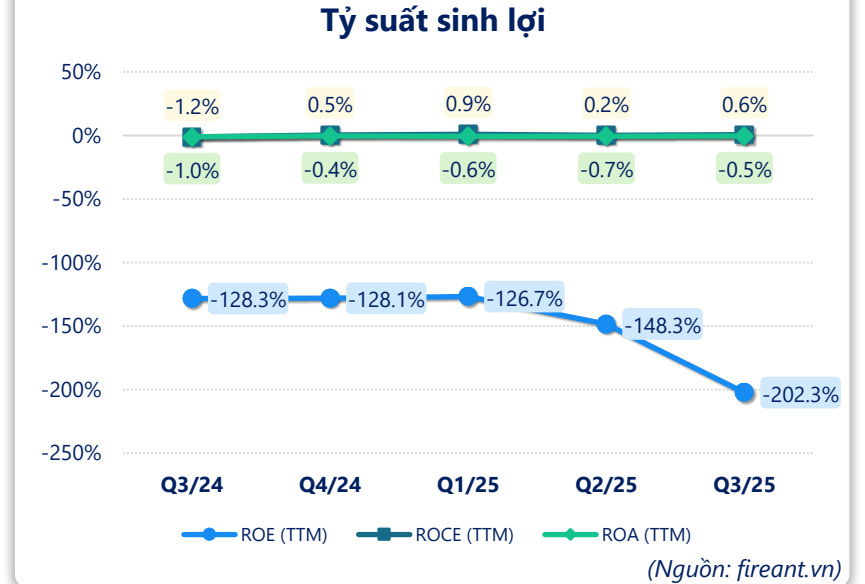
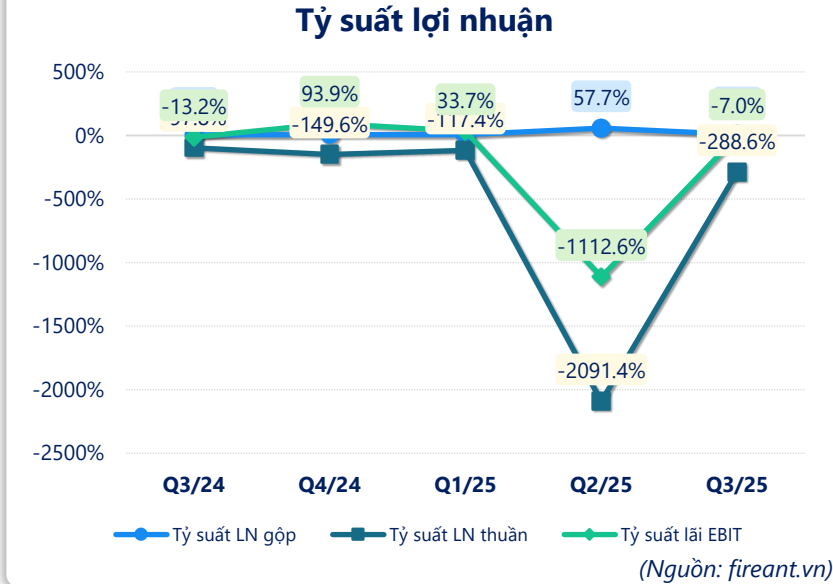
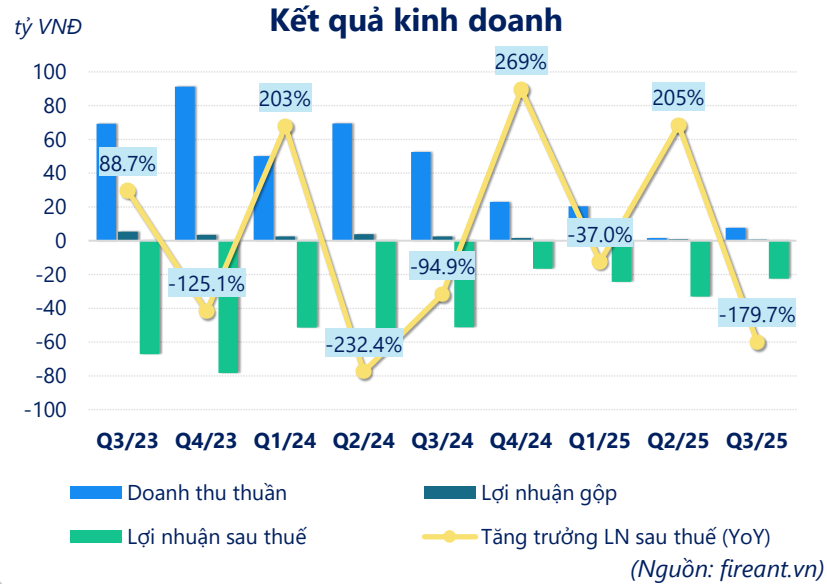


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,500
SL cổ phiếu LH		38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,690
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		198
P/E		-2.1
EPS		-2,535

	YTD	1T	3T	6T
VHD	-42.2%	-5.5%	10.6%	-43.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,445	4,170	-17.4%
Tài sản ngắn hạn	2,748	3,485	-21.2%
Tiền và tương đương tiền	4.45	1.25	257%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,054	1,848	-43.0%
Hàng tồn kho	1,674	1,628	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	7.76	105%
Tài sản dài hạn	697	684	1.8%
Phải thu dài hạn	156	145	7.9%
Tài sản cố định	32.9	35.2	-6.5%
Bất động sản đầu tư	9.59	10.3	-6.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	35.0	35.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	334	318	5.3%
Lợi thế thương mại	129	141	-8.9%
Nợ phải trả	3,434	4,079	-15.8%
Nợ ngắn hạn	2,932	2,905	0.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	625	934	-33.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	153	-20.0%
Nợ dài hạn	502	1,174	-57.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	276	874	-68.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10.7	90.5	-88.1%
Vốn chủ sở hữu	10.7	90.5	-88.1%
Vốn điều lệ	380	380	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	52.5	23.0	20.4	1.55	7.59
Giá vốn hàng bán	49.9	21.3	19.0	0.66	6.88
Lợi nhuận gộp	2.56	1.65	1.44	0.90	0.71
Doanh thu HĐTC	11.0	186	7.57	7.35	7.88
Chi phí TC	54.9	213	24.4	32.0	20.9
Chi phí lãi vay	44.6	56.4	30.9	15.4	21.9
LN trong công ty LKLD	1.34	-0.22	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	0	0.08	0.08	0.08
Chi phí QLDN	11.2	9.22	8.50	8.67	9.50
LN thuần từ HĐKD	-51.3	-34.4	-24.0	-32.5	-21.9
Lợi nhuận khác	-0.20	-0.42	0.01	-0.23	-0.57
LN trước thuế	-51.5	-34.8	-24.0	-32.7	-22.5
Lợi nhuận sau thuế	-51.2	-16.6	-24.3	-33.1	-22.4
LNST của CĐ cty mẹ	-51.2	-16.6	-24.3	-33.1	-22.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-272	14.7	10.4	-3.06	165
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.63	1,081	0.51	0.42	342
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	276	-1,106	-7.03	0.67	-505
Tiền đầu kỳ	4.92	11.1	1.31	5.16	3.13
Lưu chuyển tiền thuần	6.20	-9.81	3.85	-1.97	1.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.1	1.31	5.16	3.13	4.45

(Nguồn: fireant.vn)